

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ N Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần M - sinh năm 1992.

ĐKHKTT: tổ 15B, khu Hùng Vương, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh Lê Bình L - sinh năm 1992.

ĐKHKTT: tổ 15B, khu Hùng Vương, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2024 nguyên đơn chị Trần M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lê Bình L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do khác biệt về tính cách và quan điểm sống. Đầu năm 2024 anh L đi nước ngoài sinh sống, làm việc. Từ khi anh L đi nước ngoài đến nay tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh chị càng trở nên trầm

trọng. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: chị Trần M xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 25/8/2021. Sau khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện chị M yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị là 5.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 30/01/2024 chị M trình bày chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Trần M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: chị Trần M xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Bị đơn anh Lê Bình L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày quan điểm tại Bản tự khai ngày 03/5/2024 và ngày 02/7/2024, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trần M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh thì anh L hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị M. Anh L đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh L và chị M có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 25/8/2021. Hiện nay cháu N đang sinh sống cùng với chị M ở Việt Nam. Anh L hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị M, anh đề nghị sau khi ly hôn Tòa án giao cháu N cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần M và anh Lê Bình L. Về con chung: giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 25/8/2021 cho chị Trần M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Bình L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị Trần M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần M khởi kiện xin ly hôn anh Lê Bình L. Trong đơn xin ly hôn, chị M trình bày hiện anh L đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 9461/QLXNC-P3 ngày 07/5/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thông tin như sau: “*Lê Bình L, sinh ngày 26/6/1992, đã xuất cảnh ngày 17/01/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này anh L đang ở nước ngoài, chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị M và anh L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt mình. Căn cứ khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị M và anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần M và anh Lê Bình L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn ngày 22/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị M và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Ngày 03/5/2024 và ngày 02/7/2024 anh L đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M gửi từ nước ngoài về. Trong bản tự khai anh L trình bày anh đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh và chị M.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký của anh L trong các bản tự khai mà anh L gửi từ nước ngoài về Việt Nam. Tại Kết luận giám định số 1076/KLGĐ-KTHS ngày 09/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận như sau: “*Chữ ký đứng tên Lê Bình L dưới mục “Người làm đơn” trên 02 Bản tự khai ngày 02/7/2024, 03/5/2024 mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên Lê Bình L dưới mục “Chồng” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” ngày 22/3/2018 mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người ký ra ra*”. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc anh L hoàn toàn tự nguyện thuận tình ly hôn với chị M.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị M và anh L đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị M và anh L đều nhất trí ly hôn với nhau. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh L.

- Về con chung: từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị M và anh L có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 25/8/2021. Sau khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L cũng nhất trí với yêu cầu về con chung của chị M, anh đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh chị ly hôn. Xét thấy chị M và anh L đều đã thống nhất thỏa thuận được về vấn đề con chung. Hơn nữa hiện tại cháu N vẫn đang còn nhỏ. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập, phát triển của cháu N cần giao cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị M và anh L đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn và chi phí tố tụng khác: chị M tự nguyện xin chịu toàn bộ.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207, khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần M và anh Lê Bình L.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 25/8/2021 cho chị Trần M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Bình L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Anh Lê Bình L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí sơ thẩm: chị Trần M phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần M (do ông Trần Chính Quyền nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00005829 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại chị Trần M số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về chi phí giám định: chị Trần M phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận chị Trần M đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Trần M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Lê Bình L là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS TP.V;
- UBND phường G;
- Các đương sự;
- L hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ N Tuấn